

Bản án số: 106/2020/DS-ST
Ngày 09-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hùng.

Ông Lý Khắc Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Khanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 326/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 316/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V(gọi tắt là Ngân hàng); địa chỉ trụ sở: Tầng 2, số 296 Phan Xích Long, phường 7, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP V: Ông Trần Minh Thơ – Cán bộ xử lý nợ, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 179 – 181 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 (vắng mặt);

+ Bà Lâm Thị Cẩm T, sinh năm: 1974 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ 04, ấp Bình Tân, xã Bình Mỹ, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lâm Văn N, sinh năm: 1958 (vắng mặt);

+ Bà Huỳnh Thị K, sinh năm: 1955; (chết ngày 06/10/2019)

Cùng địa chỉ: Tổ 04, ấp Bình Tân, xã Bình Mỹ, huyện C, tỉnh An Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị K:

. Ông Lâm Văn N, sinh năm: 1958 (vắng mặt);

. Bà Lâm Thị Cẩm T, sinh năm: 1974 (vắng mặt);

. Bà Lâm Kim H, sinh năm: 1978 (vắng mặt);

. Ông Lâm Trọng H1, sinh năm: 1982 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ 04, ấp Bình Tân, xã Bình Mỹ, huyện C, tỉnh An Giang.

. Bà Lâm Kim V1, sinh năm: 1980 ; đã chuyển hộ khẩu không biết địa chỉ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải và tại phiên tòa ông Trần Minh Thor đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Vtrình bày:

Ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị Cẩm T có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V – chi nhánh An Giang, phòng giao dịch Châu Đốc cụ thể như sau:

- Ngày 27/12/2016, ông H và bà T ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số: CN/VN0010318/201612/54, vay số tiền 38.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 20%/năm, mục đích vay tiêu dùng, trả vốn, lãi dần hàng tháng.

- Ngày 26/6/2017, ông H và bà T ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số: CN/VN0010318/201707/ 89, vay số tiền 57.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 20%/năm, mục đích vay tiêu dùng, trả vốn, lãi dần hàng tháng.

- Ngày 29/12/2017, ông H và bà T ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số: LN1712200393461/CDC/ HĐTD, vay số tiền 230.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12,5%/năm, được điều chỉnh 01 tháng/lần, phương thức thanh toán: trả vốn cuối kỳ, trả lãi hàng tháng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh buôn chuyển nếp, gạo, tấm.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, ông Lâm Văn N và bà Huỳnh Thị K đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 11134718/CDC/HĐTC ngày 27/12/2016, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Bình Mỹ, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01142QSDĐ/aF do UBND huyện C cấp ngày 20/6/1991, đứng tên Lâm Thành N (ngày 09/12/2016 đính chính là Lâm Văn N).

Quá trình sử dụng vốn vay, ông H và bà T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông H, bà T cố tình kéo dài thời gian, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông H và bà T phải trả vốn, lãi tổng cộng là 415.505.386 đồng (trong đó: vốn 288.001.621 đồng, lãi trong hạn 85.002.510 đồng và lãi quá hạn 42.501.255 đồng).

- Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận kể từ ngày 10/6/2020 cho đến khi ông H, bà T thanh toán xong toàn bộ số nợ vay, theo các Hợp đồng tín dụng số: CN/VN0010318/201612/54 ngày 27/12/2016, số: CN/VN0010318/201707/89 ngày 26/6/2017, số: LN1712200393461/CDC/HĐTD ngày 29/12/2017 mà ông H, bà T đã ký kết với Ngân hàng.

- Trường hợp ông H, bà T không thanh toán được vốn, lãi thì Ngân hàng yêu cầu được quyền sử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ vốn, lãi. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 11134718/CDC/HĐTC ngày 27/12/2016 được ký kết giữa ông Lâm Văn N, bà Huỳnh Thị K với Ngân hàng để thu hồi toàn bộ vốn, lãi.

- Ngân hàng còn yêu cầu ông H, bà T phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng. Ngân hàng đã tạm ứng số tiền này nên yêu cầu ông H, bà T phải trả lại

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn, người liên quan vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vắng mặt họ là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Ông H, bà T có ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền gốc 325.000.000 đồng, tính đến ngày 06/9/2020 còn nợ vốn 288.001.621 đồng, lãi trong hạn 85.002.510 đồng và lãi quá hạn 42.501.255 đồng. Bị đơn, người liên quan vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Xét các Hợp đồng tín

dụng được ký kết giữa các bên là trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Ông H, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 11134718/CDC/HĐTC ngày 27/12/2016 mà Ngân hàng với ông N, bà K ký kết đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, có công chứng, có đăng ký giao dịch đảm bảo, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao dịch, nên khi ông H, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đề nghị đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hợp đồng tín dụng số: CN/VN0010318/201612/54 ngày 27/12/2016, số: CN/VN0010318/201707/89 ngày 26/6/2017, số: LN1712200393461/CDC/HĐTD ngày 29/12/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 11134718/CDC/HĐTC ngày 27/12/2016; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Giấy ủy quyền....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử bà K chết, Tòa án đưa các con bà K vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, nhưng những người này cũng không trình bày ý kiến. Đồng thời, yêu cầu ông Lâm Văn N cung cấp tên, năm sinh, địa chỉ của các thừa kế

của bà K để Tòa án tiến hành các thủ tục theo quy định, nhưng ông N vẫn không cung cấp. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự Tòa án dành quyền khởi kiện thành vụ kiện khác cho các thừa kế của bà K.

[2] Về nội dung vụ án: Ông H, bà T có ký với Ngân hàng có ký kết các hợp đồng tín dụng để vay số tiền 325.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay ông H, bà T thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, tính đến ngày 06/9/2020 còn nợ vốn 288.001.621 đồng, lãi trong hạn 85.002.510 đồng và lãi quá hạn 42.501.255 đồng, nên Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu ông H, bà T phải trả toàn bộ số tiền vốn, lãi và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 10/6/2020 cho đến khi trả xong khoản nợ. Đồng thời, Ngân hàng còn yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông H, bà T không thanh toán được vốn, lãi.

[2.1] Xét các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ông H, bà T với Ngân hàng Thương mại cổ phần V – chi nhánh An Giang, phòng giao dịch Châu Đốc số: CN/VN0010318/201612/54 ngày 27/12/2016, số: CN/VN0010318/201707/89 ngày 26/6/2017, số: LN1712200393461/CDC/HĐTD ngày 29/12/2017, Hội đồng xét xử nhận định:

Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý có ghi rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các chứng cứ kèm theo gồm: các Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Tòa án chấp nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Các hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán vốn, lãi và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại 280 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 11134718/CDC/HĐTC ngày 27/12/2016 được ký kết giữa ông Lâm Văn N, bà Huỳnh Thị K với Ngân hàng Thương mại cổ phần V – chi nhánh An Giang, phòng giao dịch Châu Đốc, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng thế chấp này được các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có công chứng và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số: 83/2010/NĐ-CP, ngày 23/7/2010 của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, Ngân hàng yêu cầu trường hợp ông H, bà T không trả được vốn, lãi thì được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng. Do ông H, bà T vi phạm nghĩa vụ nên ông H, bà T phải chịu, Ngân hàng đã tạm ứng đủ, buộc ông H, bà T phải hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên H, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán.

Với yêu cầu được chấp nhận Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị Cẩm T.

- Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị Cẩm T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền vốn, lãi tính đến ngày 09/6/2020 là

415.505.386 đồng (trong đó: vốn 288.001.621 đồng, lãi trong hạn 85.002.510 đồng và lãi quá hạn 42.501.255 đồng).

- Ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị Cẩm T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc 288.001.621 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết kể từ ngày 10/6/2020 cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi.

- Trường hợp ông H, bà T không trả được vốn, lãi trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ vốn, lãi. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 11134718/CDC/HĐTC ngày 27/12/2016 được ký kết giữa ông Lâm Văn N, bà Huỳnh Thị K với Ngân hàng Thương mại cổ phần V – chi nhánh An Giang, phòng giao dịch Châu Đốc.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị Cẩm T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 500.000 đồng.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị Cẩm T phải chịu 20.620.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 7.710.000 đồng theo Biên lai thu số: 0010335 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Giữ Nguyễn Hoàng Tuấn

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm

2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trường hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi